

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-5-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Rô

2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuỳ Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị H1 đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh H2 tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2003 tại UBND thị trấn Duyên Hải (nay là UBND phường 1). Sau khi kết hôn bà và ông H2 chung sống đến tháng 12 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ công việc của gia đình

và quan điểm sống. Từ đó bà và ông H2 sống ly thân đến nay. Hiện tại, bà không còn tình cảm gì với ông H2. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H2.

- Về con: Bà và ông Nguyễn Thanh H2 có con chung tên là Nguyễn Thanh Lộc, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh Phúc, sinh năm 1994. Do con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 30/3/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị H1 trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Ông thừa nhận trước đây có làm nhiều việc sai làm bà H1 buồn nhưng thời gian gần đây ông đã sửa đổi tính tình, chỉ mong bà H1 về chung sống để lo cho gia đình. Vì ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con: Ông và bà Trần Thị H1 có con chung tên là Nguyễn Thanh Lộc, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh Phúc, sinh năm 1994.

- Về tài sản và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H1.

- + Về con chung: Do con đã thành niên nên đề nghị không xem xét.

- + Về tài sản chung: Bà H1 và ông H2 không có yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

- + Về nợ chung: Bà H1 và ông H2 khai không có nợ chung nên đề nghị không xem xét.
- + Về án phí: Nguyên đơn bà H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trần Thị H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh H2. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 có hộ khẩu thường trú tại ấp Giồng Trôm, xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thanh H2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh H2.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Thanh H2 tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND thị trấn Duyên Hải (nay là UBND phường 1) theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà H1 và ông H2 là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà H1 trong thời gian chung sống, giữa bà và ông H2 có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống. Ông H2 cũng thừa nhận trong thời gian chung sống trước đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ phía ông. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ là giữa bà H1 và ông H2 có mâu thuẫn gì nhưng thực tế là ông H2 và bà H1 đã ly thân. Đồng thời thời gian trước đây bà H1 cũng đã nộp đơn ly hôn ông H2 nhưng sau đó rút lại đơn khởi kiện để ông H2 sửa đổi tính tình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà H1 và ông H2 đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà H1 vẫn cương quyết ly hôn ông H2 nên việc hoà giải đoàn tụ không thành. Tại phiên toà, bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được H1 phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống, biết tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau và cùng mong muốn xây dựng gia đình H1 phúc. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông H2 hết lời xin lỗi bà H1 và mong muốn bà H1 rút lại đơn khởi kiện nhưng bà H1 một mực

cương quyết yêu cầu ly hôn ông H2 vì cho rằng không còn tình cảm với ông H2 và không muốn tiếp tục chung sống với ông H2 nữa. Điều này cho thấy khả năng để bà H1 và ông H2 đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Nếu tiếp tục duy trì mối hôn nhân này nhưng cả hai không chung sống với nhau thì cả bà H1 và ông H2 đều không được vui vẻ và H1 phức. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H1 như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Do các con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà H1 và ông H2 không có yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ: Bà H1 và ông H2 khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà H1 không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà H1 là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H1. Bà Trần Thị H1 được ly hôn ông Nguyễn Thanh H2.

2. Về con chung: Do các con đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Thanh H2 không có yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Thanh H2 có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà H1 hoặc ông H2 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ: Bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Thanh H2 khai không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H1 chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0011327 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Trần Thị H1 đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Thanh H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Trần Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND Phường 1;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh